TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm 2024-2025

TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên Hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký Hợp đồng	Ngày thanh lý/nghiệm thu	Tổng giá trị HĐ	Tổng số tiền chuyển về	Chủ nhiệm đề tài	Người tham gia
1	Khoan Khảo sát Địa chất công trình gói thầu số 01 thuộc dự án: Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/học viện HHQS (Ký hiệu HV6) theo hợp đồng số 01/2025/HV6, ký ngày 20/03/2025	01/2025/HV6	20/03/2025	10/06/2025	328.069.000	328.069.000	Nhữ Việt Hà	

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY

M.S.D.N: 0101074336 - C.T.T.N.H.H. - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT - Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS: Lê Trọng Thắng

Scanned with CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 45/2025/QĐ-CODECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất;

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc;

- Theo hợp đồng số 01/2025/HV6 ký kết giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất với Học viện khoa học quân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm ông Nhữ Việt Hà làm chủ nhiệm công trình: gói thầu số 01 thuộc dự án mở rộng, nâng cấp khu vực học viên quốc tế - Học viện khoa học quân sự (ký hiệu HV6).

Điều 2: Chủ nhiệm công trình là người trực tiếp được phép tạm ứng kinh phí khi bên A tạm ứng cho công trình và chịu trách nhiệm toàn bộ trước công ty và trước pháp luật về việc thực hiện và hoàn thành công trình (sử dụng tiền đúng mục đích, có quyền mua vật tư, thiết bị, lựa chọn và đại diện công ty ký hồ sơ thuê nhân công,...).

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán theo qui định của Nhà nước. Các bộ phận chức năng và cán bộ có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VP Công ty.

M.S.D.N: 0101074336-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Mã số thuế: **0101074336**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428 Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499 NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 10 tháng 06 năm 2025

Mã của cơ quan thuế: **00E1803039C00A4E30B78C8F0F25644600**

Ký hiệu: **1C25TMD**

Số: **86**

Họ và tên người mua hàng: Lê Xuân Hiếu

Tên đơn vị: **HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ**

Địa chỉ: Ngõ 322, đường Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

Số tài khoản: 3711.1.9052924.00000 Tại: Phòng giao dịch số 3 - Kho bạc nhà nước khu vực I.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản **Mã số thuế:**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4x5*
1	Quyết toán theo Hợp đồng số 01/2025/HV6 ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc thực hiện Gói thầu số 01 thuộc dự án: Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6).	Gói thầu	1	303.767.593	303.767.593

Tỷ giá:	1 VND /VND	**Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:**	**303.767.593**
Quy đổi:	328.069.000 VND	**Tiền thuế GTGT:**	**24.301.407**
Thuế suất GTGT: 8%		**Tổng tiền thanh toán:**	**328.069.000**

Số tiền bằng chữ: **Ba trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng**

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 10/06/2025 15:21:02

Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.vn/ Mã tra cứu: **44CFA3FB1200B483**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoá số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

HỢP ĐỒNG KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Số: 01/2025/HV6

GÓI THẦU SỐ 01 THUỘC DỰ ÁN: MỞ RỘNG, NÂNG CẤP KHU HỌC VIÊN QUỐC TẾ/HỌC VIỆN KHQS (KÝ HIỆU HV6)

GIỮA

HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG
Điều 1. Diễn giải
Điều 2. Loại hợp đồng
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
Điều 4. Trao đổi thông tin
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng
Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng khoan khảo sát địa chất công trình
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm
Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng
Điều 9. Giá hợp đồng
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư
Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)
Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu
Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu
Điều 16. Bảo hiểm
Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng
Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng
Điều 19. Chấm dứt hợp đồng
Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng
Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm
Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng
Điều 23. Tạm ứng và thanh toán
Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp
Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại
Điều 26. Điều khoản chung
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG
Điều 1. Loại hợp đồng
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng
Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm
Điều 5. Giá hợp đồng
Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng
Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu
Điều 8. Chấm dứt hợp đồng
Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm
Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng
Điều 11. Tạm ứng và thanh toán
Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp
Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại
Điều 14. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
BCKTKT	Báo cáo kinh tế kỹ thuật
TVTK	Tư vấn thiết kế
VNĐ	Đồng Việt Nam
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định số 175/2024/NĐ-CP	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại Học viện Khoa học Quân sự, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư

- Tên giao dịch: **Học viện Khoa học Quân sự**
- Địa chỉ: Ngõ 322, đường Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, phố Hà Nội.
- Đại diện: **Ông Nguyễn Đức Lợi** - Chức vụ: Giám đốc
- Tài khoản: 3711.1.9052924.00000, tại Phòng giao dịch số 3 - KBNN khu vực I.
- Điện thoại: 069.521.350

Và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn

- Tên giao dịch: **Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất**
- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Đại diện là: **Ông Trần Đình Kiên** - Chức vụ: Giám đốc
- Tài Khoản: 111000037499 Tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.
- Mã số thuế: 0101074336
- Đăng ký doanh nghiệp số: 0101074336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14/10/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/10/2023.
- Điện thoại: 08 (24) 3755 0428.
- E-mail: codeco.mdc@gmail.com

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng khoan khảo sát địa chất công trình thuộc dự án: Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6) như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ các Luật: Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015; Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng; Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 5499/QĐ-BQP ngày 26/12/2022 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án mở mới bổ sung Kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2021-2025 nguồn vốn NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng của Học viện Khoa học quân sự/Tổng cục II;

Căn cứ Quyết định số 366/QĐ-TCII ngày 10/3/2025 của Tổng cục II về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa chất công trình thuộc dự án: Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6);

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-HVKHQS ngày 12/3/2025 của Học viện Khoa học quân sự Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1 dự án Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6);

Căn cứ Biên bản thương thảo hoàn thiện Hợp đồng số 01/2025/BBHTHĐ/HV6 ký ngày 18/3/2025 giữa Học viện Khoa học quân sự/TCII với Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng mỏ - địa chất;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-HVKHQS ngày 19/3/2025 của Học viện Khoa học quân sự về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 01 thuộc dự án: Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6).

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Học viện Khoa học quân sự.

2. Nhà thầu khoan khảo sát địa chất công trình là Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

3. Dự án là Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6).

4. Công trình là Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS.

5. Gói thầu là Gói thầu số 01.

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện Nhà thầu là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định và thay mặt Nhà thầu điều hành công việc.

8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.

9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

10. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói [quy định tại ĐKCT].

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

đ) Biên bản thương thảo hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

e) Các phụ lục của hợp đồng;

g) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng khoan khảo sát địa chất công trình

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu thực hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định.

Phương án kỹ thuật khoan khảo sát địa chất công trình phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

c) Khảo sát hiện trường.

d) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý của các mẫu đất, đá.

đ) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng khoan khảo sát địa chất công trình bao gồm:

Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

1. Chất lượng sản phẩm khoan khảo sát địa chất công trình phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình

xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng khoan khảo sát địa chất công trình. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được Nhà thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm khoan khảo sát địa chất công trình của hợp đồng là 08 bộ [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

2. Hồ sơ Báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình.

3. Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khoan khảo sát địa chất công trình được duyệt.

4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **328.069.000 đồng** [quy định tại **ĐKCT**]

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng khoan khảo sát địa chất công trình bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng.
- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.
- Việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức

điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT].**

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT].**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

1. Quyền của Nhà thầu

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ khoan khảo sát địa chất công trình.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d Giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng và pháp luật có quy định.

đ) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện công việc được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu để hoàn thành công việc theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

e) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

i) Sản phẩm phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn

vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm khoan sát địa chất công trình theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

a) Cung cấp cho Nhà thầu thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu thực hiện công việc khoan khảo sát địa chất công trình.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình

cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu

1. Nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong danh sách nhân sự tham gia dự án của Nhà thầu. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 07 ngày [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên theo quy định.

6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm do Nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không, chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng trong tương lai. Trong hợp đồng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả

các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông

báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc 30 ngày liên tục [quy định tại **ĐKCT**] không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có

ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày làm việc [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày[quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 07 ngày làm việc [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực

hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 14 ngày, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 08 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Hồ sơ Quyết toán của nhà thầu và hồ sơ quyết toán dự án được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hai bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp đồng để quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần [quy định tại **ĐKCT**].

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm do Nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm khoan khảo sát địa chất công trình. Những sai sót trong sản phẩm Nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là 30 ngày [quy

định tại **ĐKCT**]

2. Tiến độ chi tiết: Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không.

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 02 lần [quy định tại **ĐKCT**].

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể theo đề xuất của nhà thầu trên cơ sở khối lượng được nghiệm thu của nhà thầu hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư [quy định tại **ĐKCT**].

Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng và sau khi hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

Trong vòng 14 ngày [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

3. Hồ sơ thanh toán gồm

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng.
- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung

khiếu nại trong vòng 10 ngày [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] tối thiểu 45 ngày, kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài *(hoặc Tòa án Nhân dân)* là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không thưởng hợp đồng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì cứ 01 ngày chậm tiến độ phạt 0,1% giá trị hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 10% giá trị hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Nếu nhà thầu vi phạm hợp đồng, thực hiện công việc không đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo đúng các quy định của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt đến 10% tổng giá trị hợp đồng này.

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường

cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 26. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm hai bên ký kết [quy định tại **ĐKCT**].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Không áp dụng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là: 08 bộ.

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **328.069.000 đồng.**

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn./.

- Chi tiết giá Hợp đồng được nêu trong phụ lục số 01 (Bảng phụ lục tổng hợp chi tiết giá hợp đồng) kèm theo.

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng.

- Trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

- Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

- Khối lượng hợp đồng có thể được điều chỉnh tăng trong trường hợp thời gian thực hiện công việc của Nhà thầu tăng do những sửa đổi lớn theo hướng dẫn của Chủ đầu tư hoặc thay đổi theo yêu cầu của Chủ đầu tư được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với các trường hợp này, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư trước khi thực hiện công việc. Không có chi phí phát sinh nào được thanh toán trừ khi được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành công việc.

+ Chi phí phát sinh tăng phải được Nhà thầu lập thành dự toán chi tiết và

trình Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Dự toán chi phí phát sinh phải được lập trên cơ sở của phụ lục giá hợp đồng và tương ứng với số lượng nhân sự và thời gian phát sinh được hai bên thống nhất. Chi phí phát sinh sau khi được hai bên thương thảo thống nhất sẽ được ghi thành phụ lục hợp đồng

- Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do bất khả kháng do thiên tai như động đất, bão, lụt, lũ, lốc, hoả hoạn và các thảm họa khác chưa lường hết được. Khi đó các bên sẽ thương thảo để xác định lại giá trị Hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

Trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tương ứng.

- Trường hợp bất khả kháng do thiên tai như động đất, bão, lụt, lũ, lốc, hoả hoạn và các thảm họa khác chưa lường hết được. Khi đó các bên sẽ thương thảo để điều chỉnh lại tiến độ thực hiện hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu

Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 07 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày.

Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng] hoặc 10 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể thực hiện một

phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 45 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần. Nhà thầu hoàn thành và bàn giao đầy đủ hồ sơ cho Chủ đầu tư gồm:

+ Báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình cùng với các Phụ lục kèm theo: 08 bộ.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ.

2. Tiến độ chi tiết

Thời gian và phần công việc hoàn thành là ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không.

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 02 lần.

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là.

Lần 1: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 95% giá trị hợp đồng sau khi bên B hoàn thành, bàn giao Báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình cho bên A, hai bên tiến hành nghiệm thu hồ sơ và bên B chuyển cho Bên A đầy đủ hồ sơ thanh toán, hóa đơn hợp lệ.

Lần 2: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 5% giá trị hợp đồng sau khi nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ khác theo qui định hiện hành và hồ sơ quyết toán dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. (Nhà thầu có thể bảo lãnh bằng tiền mặt hoặc Thư bảo lãnh của Ngân hàng, tổ chức tài chính hợp pháp).

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là trong vòng 45 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là tối đa 45 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của

pháp luật là trong vòng 45 ngày.

Giải quyết tranh chấp: Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Toà án Nhân dân hoặc Trọng tài để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Toà án Nhân dân hoặc Trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không thưởng hợp đồng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì cứ 01 ngày chậm tiến độ phạt 0,1% giá trị hợp đồng nhưng tổng số tiền phạt không quá 10% giá trị hợp đồng.

Nếu nhà thầu vi phạm hợp đồng, thực hiện công việc không đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo đúng các quy định của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt đến 10% tổng giá trị hợp đồng này.

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

+ Nhà thầu phải bồi thường bằng toàn bộ chi phí khắc phục thực tế và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến hư hỏng bất cứ tài sản nào mà những hư hỏng này:

+ Phát sinh do lỗi của Nhà thầu;

+ Được quy cho sự thiếu trách nhiệm, cố ý hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu hoặc bất cứ người trực tiếp hay gián tiếp do Nhà thầu thuê.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ 20 tháng 3 năm 2025.

Hợp đồng này bao gồm 25 trang và 01 phụ lục được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU GIÁM ĐỐC
Thiếu tướng Nguyễn Đức Lợi	Trần Đình Kiên

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG PHỤ LỤC TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số: 01/2025/HV6 ký ngày 20/3/2025)

GÓI THẦU SỐ 01

DỰ ÁN: MỞ RỘNG, NÂNG CẤP KHU HỌC VIÊN QUỐC TẾ/HỌC VIỆN KHQS (KÝ HIỆU HV6)

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m khoan	70.00	1 706 425	119 449 758	
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I - III	m khoan	70.00	636 724	44 570 707	
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	34.00	672 016	22 848 536	
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	16.00	719 969	11 519 510	
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	16.00	145 427	2 326 828	
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	16.00	83 010	1 328 164	
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	16.00	265 345	4 245 522	
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	16.00	445 764	7 132 223	
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	16.00	86 928	1 390 840	
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	16.00	853 623	13 657 966	
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	16.00	1 317 865	21 085 843	
12	Thí nghiệm mẫu xáo động				0	
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	18.00	719 969	12 959 448	
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	18.00	145 427	2 617 681	
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	18.00	445 764	8 023 751	
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	18.00	1 317 865	23 721 574	
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	18.00	1 317 865	23 721 574	
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	18.00	207 470	3 734 451	

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
19	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm; chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	18.00	207 470	3 734 451	
	Tổng cộng				**328 068 828**	
	Làm tròn				**328 069 000**	
(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn./.)						

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Nguyễn Đức Lợi

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Trần Đình Kiên

15/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------oOo----------

HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

GÓI THẦU SỐ 01: KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN: MỞ RỘNG, NÂNG CẤP KHU HỌC VIÊN QUỐC TẾ/HỌC VIỆN KHQS (KÝ HIỆU HV6)
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN TRẠM TRÔI, HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ: HỌC VIỆN KHQS/TCII
NHÀ THẦU KHẢO SÁT: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TKCN VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Hà Nội 2025

Scanned with CamScanner

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------oOo----------

HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

GÓI THẦU SỐ 01: KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN: MỞ RỘNG, NÂNG CẤP KHU HỌC VIÊN QUỐC TẾ/HỌC VIỆN KHQS (KÝ HIỆU HV6)
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN TRẠM TRÔI, HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ: HỌC VIỆN KHQS/TCII
NHÀ THẦU KHẢO SÁT: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TKCN VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU KHẢO SÁT
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Thiếu tướng Nguyễn Đức Lợi	PGS.TS. Trần Đình Kiên

Hà Nội 2025

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Tên dự án: Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6)
Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Khoan khảo sát địa chất công trình
Căn cứ hợp đồng số: 01/2025/HV6 ký ngày 20 tháng 3 năm 2025
Chủ đầu tư: Học viện Khoa học quân sự/TCII
Nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa chất
Thanh toán lần thứ: Quyết toán
Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đề nghị quyết toán ngày 11../..6../2025

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị (đồng)	Giá trị (đồng)	Ghi chú
I	**GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**	**(đồng)**	**328.069.000**	**(I)=(1)**
1	Giá trị hợp đồng số 01/2025/HV6 ngày 20 tháng 3 năm 2025	(đồng)	328.069.000	
II	**GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN**	**(đồng)**	**328.069.000**	**(II)=(1)**
1	Giá trị hợp đồng số 01/2025/HV6 ngày 20 tháng 3 năm 2025	(đồng)	328.069.000	
III	**GIÁ TRỊ ĐÃ ĐƯỢC THANH TOÁN**	**(đồng)**	**0**	
IV	**GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN (LÀM TRÒN)**	**(đồng)**	**328.069.000**	

(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng./.)

Hà Nội, ngày 11.. tháng ..6.. năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

PGS. TS Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Nguyễn Đức Lợi

Scanned with CamScanner

Mẫu số 03.a/TT

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Tên dự án: Mở rộng, nâng cấp khu học viên quốc tế/Học viện KHQS (ký hiệu HV6)
Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Khoan khảo sát địa chất công trình
Căn cứ hợp đồng số: 01/2025/HV6 ngày 20 tháng 3 năm 2025
Chủ đầu tư: Học viện Khoa học quân sự
Nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa chất
Thanh toán lần thứ: Quyết toán
Căn cứ xác định: Khối lượng nghiệm thu công việc hoàn thành và các văn bản có liên quan.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đề nghị quyết toán ngày 11. tháng .6. năm 2025

Đơn vị: đồng

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng	Thành tiền				Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng	Thực hiện				Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m khoan	70,00	-	70,00	70,00	1.706.425	119.449.758	-	119.449.758	119.449.758	
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I - III	m khoan	70,00	-	70,00	70,00	636.724	44.570.707	-	44.570.707	44.570.707	
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	34,00	-	34,00	34,00	672.016	22.848.536	-	22.848.536	22.848.536	
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	719.969	11.519.510	-	11.519.510	11.519.510	
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	145.427	2.326.828	-	2.326.828	2.326.828	
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	83.010	1.328.164	-	1.328.164	1.328.164	
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	265.345	4.245.522	-	4.245.522	4.245.522	
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	445.764	7.132.223	-	7.132.223	7.132.223	
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	86.928	1.390.840	-	1.390.840	1.390.840	
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	853.623	13.657.966	-	13.657.966	13.657.966	
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	16,00	-	16,00	16,00	1.317.865	21.085.843	-	21.085.843	21.085.843	
12	Thí nghiệm mẫu xáo động											

Scanned with CamScanner

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng	Thành tiền				Ghi chú
			Khối lượng theo hợp đồng	Thực hiện				Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	18,00	-	18,00	18,00	719.969	12.959.448	-	12.959.448	12.959.448	
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	18,00	-	18,00	18,00	145.427	2.617.681	-	2.617.681	2.617.681	
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	18,00	-	18,00	18,00	445.764	8.023.751	-	8.023.751	8.023.751	
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	18,00	-	18,00	18,00	1.317.865	23.721.574	-	23.721.574	23.721.574	
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	18,00	-	18,00	18,00	1.317.865	23.721.574	-	23.721.574	23.721.574	
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	18,00	-	18,00	18,00	207.470	3.734.451	-	3.734.451	3.734.451	
19	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	18,00	-	18,00	18,00	207.470	3.734.451	-	3.734.451	3.734.451	
	TỔNG CỘNG							**328.068.828**		**328.068.828**	**328.068.828**	
	LÀM TRÒN							**328.069.000**		**328.069.000**	**328.069.000**	

1. Giá trị hợp đồng: 328.069.000
2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: 0
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: 0
4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: 328.069.000
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: 0
6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: 328.069.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng./. (Là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này)

Trong đó:

+ Tạm ứng: 0

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành: 328.069.000

7. Luỹ kế giá trị giải ngân: 328.069.000

+ Tạm ứng: 0

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành: 328.069.000

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Nguyễn Đức Lợi

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11... tháng .6... năm 2025

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
SỐ: 01/NTKLQT/G01-HV6

Gói thầu số 01: Khoan khảo sát địa chất công trình

Dự án: Mở rộng, nâng cấp khu Học viên quốc tế/Học viện KHQS (Ký hiệu HV6)

Địa điểm: Thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Nghiệm thu hoàn thành khối lượng khoan khảo sát địa chất công trình

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

*** Đại diện chủ đầu tư: Học viện khoa học quân sự**

Ông: Nguyễn Đức Lợi	Chức vụ: Giám đốc Học viện
Ông: Lê Xuân Hiếu	Chức vụ: Trưởng phòng HC-KT Phó trưởng ban QLDA
Ông: Nguyễn Hoành Nhật	Chức vụ: Trưởng ban Tài chính - Kế toán BQLDA
Ông: Nguyễn Trung Hiếu	Chức vụ: Trưởng Ban Doanh trại - Kỹ thuật BQLDA

*** Đại diện nhà thầu thi công: Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ- Địa chất**

Ông: Trần Đình Kiên	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Trương Tam Quyết	Chức vụ: Chủ nhiệm khảo sát

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: 8..h00 ngày 11... tháng ..6.. năm 2025
- Kết thúc 9..h00 ngày 11.. tháng ..6... năm 2025
- Tại hiện trường công trình.

4. Các căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- Hợp đồng số: 01/2025/HV6 ngày 20 tháng 3 năm 2025
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng:

+ TCVN 5308:1991 Quy phạm an toàn trong lao động.;
+ TCVN 4055:2012 Công trình xây dựng - Tổ chức thi công;
+ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
+ TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung;
+ TCVN 9437:2012 Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất công trình;
+ TCVN 9155:2012 Yêu cầu kỹ thuật khoan máy trong công tác khảo sát địa chất;
+ TCVN 2683:2012 Đất xây dựng-Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu;
+ TCVN 9351:2012 Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT);

Và các tiêu chuẩn, quy phạm khoan khảo sát địa chất công trình có liên quan.

5. Khối lượng đã thi công được nghiệm thu:

- Có phụ lục khối lượng kèm theo.

6. Đánh giá chất lượng thi công:

- Đúng so với hồ sơ thiết kế thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt và tuân thủ tiêu chuẩn, quy phạm được áp dụng.

7. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên	Thiếu tướng Nguyễn Đức Lợi

Scanned with CamScanner

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG QUYẾT TOÁN
GÓI THẦU SỐ 01: KHOAN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN: MỞ RỘNG, NÂNG CẤP KHU HỌC VIÊN QUỐC TẾ/HỌC VIỆN KHQS (KÝ HIỆU HV6)
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN TRẠM TRÔI, HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng hợp đồng	Khối lượng hoàn thành	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III	m khoan	70,00	70,00	
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I - III	m khoan	70,00	70,00	
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	34,00	34,00	
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	16,00	16,00	

Scanned with CamScanner

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng hợp đồng	Khối lượng hoàn thành	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
12	Thí nghiệm mẫu xáo động				
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	18,00	18,00	
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	18,00	18,00	
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	18,00	18,00	
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	18,00	18,00	
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	18,00	18,00	
18	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	18,00	18,00	
19	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	18,00	18,00	

Hà Nội, ngày 11.. tháng ...6.. năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0101074336-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

PGS. TS Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

TỔNG CỤC II * HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ *

Thiếu tướng Nguyễn Đức Lợi

QUÂN SỰ

Scanned with CamScanner